

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh và Ông Nguyễn Thái Hòa.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020. Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, Thông báo số 13/TB-TA ngày 15/7/2020 và thông báo số 17/TB-TA ngày 31/7/2020 về việc hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).

Đều trú tại: Thôn Hoàng Tr, xã Kim X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 02 năm 2020, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn T ngày 26/07/1997. Trước khi cưới có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim X. Cưới xong chị về làm dâu và ăn ở chung cùng gia đình anh T được khoảng 02 năm thì vợ chồng ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu đầm ấm hạnh phúc được thời gian sau đó trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng có xảy ra va chạm, mâu thuẫn nhưng không lớn. Đến năm 2018 thì vợ chồng chị lên tỉnh Cao Bằng làm ăn, khi vợ chồng ở tỉnh Cao Bằng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, cờ bạc nợ nần nhiều chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh chửi chị dẫn đến bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm đến nhau,

đến tháng 5/2019 tuy vợ chồng ở tỉnh Cao Bằng nhưng mỗi người ở một nơi từ đó vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì đến nhau đến tháng 11/2019 chị về thôn Hoàng Tr xã kim X ở còn anh T đến đầu năm 2020 mới về vợ chồng ở chung nhà nhưng vẫn sống ly thân không ai quan tâm thăm hỏi nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh T.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày: Chị H trình bày về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 anh chị lên tỉnh Cao Bằng làm ăn là đúng. Còn về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là không đúng. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020, khi anh về thấy chị H đi làm nhân viên quán hát cho em cậu. Anh có nói chuyện và khuyên bảo chị H nên tìm công việc khác vì anh không muốn chị H làm công việc đó. Nhưng chị H không nghe từ đó cho đến nay chị H có biểu hiện, thái độ tình cảm vợ chồng dần nứt. Chị H nói anh đánh đập chị là không đúng, anh đánh chị thì phải có chính quyền địa phương biết. Còn việc anh chơi lô đề cờ bạc là có vì thời gian ở tỉnh Cao Bằng anh đi làm trong công trường nên anh em hay ngồi chơi với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con. Anh có biện pháp đưa ra là vợ chồng giàn xếp để đoàn tụ nhưng trong thời gian từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh đã cố gắng giàn xếp và nhờ các con động viên khuyên bảo với chị H nhưng chị H không nghe và cương quyết ly hôn anh. Trong trường hợp chị H cương quyết ly hôn anh thì anh cũng không còn biện pháp gì đưa ra.

- Về con chung: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Văn D, sinh ngày 14/7/1998 và cháu Đỗ Hoàng Tr, sinh ngày 08/6/2003 (hiện cháu D đang học Đại học năm thứ 4; cháu Tr đang ở cùng anh T và chị H). Ly hôn do cháu D đã đủ 18 tuổi nên anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Tr thì chị H và anh T đều xin nuôi con. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết tại biên bản lời khai ngày 13/02/2020 cháu Đỗ Hoàng Tr nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

- Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh T yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn. Anh không có ý kiến gì khác. Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án đã nhiều lần anh T được Thẩm phán giải thích về yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ và tại phiên tòa Hội đồng xét xử hỏi anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ hay không thì anh T trình bày, anh không phải là người làm đơn xin ly hôn, còn nếu chị H xin ly hôn anh thì chị H phải giải quyết rõ ràng về tài sản, công nợ

thì anh mới đồng ý ly hôn chị H. Còn bản thân anh không phải là người làm đơn xin ly hôn nên anh không có yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V trình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị H. Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cháu Đỗ Hoàng Tr, sinh ngày 08/6/2003, Hiện nay con chung đang ở với chị H và anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung chị H. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Hoàng Thị H khởi kiện anh Đỗ Văn T tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Hoàng T, xã Kim X, huyện V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện V. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Đỗ Văn T là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim X, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 khi vợ chồng lên tỉnh Cao Bằng làm ăn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm, động viên chia sẻ với nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Do vậy từ tháng 5/2019 khi vợ chồng ở tỉnh Cao Bằng sống ly thân đến đầu năm 2020 anh T về đến nay vợ chồng không quan tâm thăm hỏi nhau và

hai bên giàn xếp về đoàn tụ nhưng không được. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T không đồng ý ly hôn anh xin để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì khắc phục tình trạng vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi nhiều lần để hòa giải anh T có đến Tòa án làm việc nhưng các buổi làm việc anh trình bày quan điểm xong không ký biên bản gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó chứng tỏ việc xin đoàn tụ của anh T là không thực tâm và anh thừa nhận tuy vợ chồng ở chung cùng một nhà nhưng không nói chuyện và không quan tâm gì đến nhau, mọi sinh hoạt hàng ngày vợ chồng không chung đụng nhau, mỗi người ở một phòng riêng biệt. Do vậy việc chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị H và anh T trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung cháu Đỗ Văn D, sinh ngày 14/7/1998 và cháu Đỗ Hoàng Tr, sinh ngày 08/6/2003 (hiện cháu D đang học Đại học năm thứ 4; cháu Tr đang ở cùng anh T và chị H). Do cháu D đã đủ 18 tuổi nên anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Tr sinh ngày 08/6/2003 thì chị H và anh T đều xin nuôi con. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị H và anh T có đủ khả năng nuôi dưỡng chăm sóc con chung nhưng theo nguyện vọng của cháu Tr nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ Hoàng Tr, sinh ngày 08/6/2003, Hiện nay con chung đang ở với chị H và anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung chị H. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H không yêu cầu tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

Đối với anh T anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, anh không có ý kiến gì khác. Các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử có hỏi anh T, anh có yêu cầu giải quyết về tài sản công nợ không thì anh cho rằng anh không phải là người làm đơn xin ly hôn nên anh không yêu cầu, còn nếu chị H xin ly hôn anh thì chị H phải giải quyết rõ ràng về tài sản, công nợ thì anh mới đồng ý ly hôn chị H. Còn bản thân anh không phải là người làm đơn xin ly hôn nên anh không có yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ. Điều đó chứng tỏ anh T không có yêu cầu giải quyết tài sản và công nợ trong vụ án này. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ Hoàng Tr, sinh ngày 08/6/2003, Hiện nay con chung đang ở với chị H và anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004858 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự V.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kiên Thành